

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công khai điều chỉnh kinh phí chế độ chính sách cho học sinh; điều chỉnh và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024; phân bổ kinh phí chi thường xuyên do bổ sung biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.

TRƯỜNG TH&THCS SÔNG KHOAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định về việc công khai điều chỉnh kinh phí chế độ chính sách cho học sinh năm 2024;

Căn cứ Quyết định công khai điều chỉnh kinh phí chế độ chính sách cho học sinh; điều chỉnh và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024;

Căn cứ Quyết định phân bổ kinh phí chi thường xuyên do bổ sung biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ;

Căn cứ biên bản họp hội đồng về công khai điều chỉnh kinh phí chế độ chính sách cho học sinh; điều chỉnh và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024; phân bổ kinh phí chi thường xuyên do bổ sung biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính của trường TH&THCS Sông Khoai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai về việc điều chỉnh kinh phí chế độ chính sách cho học sinh, chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024 (kèm theo Quyết định số 789/QĐ-PGDĐT ngày 02/12/2024); điều chỉnh và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024 (kèm theo Quyết định số 790/QĐ-PGDĐT ngày 02/12/2024); phân bổ kinh phí chi thường xuyên do bổ sung biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (kèm theo Quyết định số 830/QĐ-PGDĐT ngày 06/12/2024).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán, thủ quỹ và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- Bộ phận kế toán
- Lưu :VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Thành Hưng

Số: 789/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 02 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh kinh phí chế độ chính sách cho học sinh,
chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024; Quyết định số 7011/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc phê duyệt điều chỉnh và bổ sung kinh phí chi thường xuyên, nguồn không tự chủ của khối các trường học công lập thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã quản lý năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-PGDĐT ngày 29/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc điều chỉnh kinh phí chế độ chính sách cho học sinh, chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kinh phí chế độ chính sách cho học sinh, chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024 của các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm chế độ chính sách cho học sinh: 1.297.383.000 đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn), do giảm các đối tượng hưởng chế độ chính sách nên còn dư kinh phí không còn nhu cầu chi.

2. Điều chỉnh tăng chế độ chính sách cho giáo viên: 1.297.383.000 đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn), để bổ sung kinh phí chi trả chế độ chính sách cho giáo viên dạy người khuyết tật theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01, 02, 03 đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí không tự chủ.

Điều 2. Giao các trường học tổ chức sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thúy

	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Điều chỉnh giảm kinh phí chế độ chính sách cho học sinh
3	Trường TH&THCS Sông Khoai					
	Tiểu học	1130337	622	072	12	25.950.000
	Trung học cơ sở	1130337	622	073	12	5.640.000
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân					
	Tiểu học	1131212	622	072	12	9.700.000
	Trung học cơ sở	1131212	622	073	12	16.860.000
5	Trường TH&THCS Phong Cốc					
	Tiểu học	1133723	622	072	12	9.300.000
	Trung học cơ sở	1133723	622	073	12	38.520.000

Số: 790/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 02 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên
năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024; Quyết định số 7011/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc phê duyệt điều chỉnh và bổ sung kinh phí chi thường xuyên, nguồn không tự chủ của khối các trường học công lập thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã quản lý năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-PGDĐT ngày 29/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc điều chỉnh và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và phân bổ kinh phí chế độ chính sách cho giáo viên năm 2024 của các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm, số tiền: 142.067.589 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng) do một số trường học đã hết nhiệm vụ chi và điều chỉnh tăng, số tiền: 142.067.589 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng) do một số trường học phát sinh tăng so với dự toán được giao đầu năm. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí không tự chủ được giao đầu năm.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Phân bổ kinh phí từ nguồn sự nghiệp giáo dục ngân sách thị xã, số tiền: 67.785.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)

3. Phân bổ kinh phí từ nguồn cải cách tiền lương của thị xã, số tiền: 939.608.000 đồng (Chín trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm linh tám nghìn đồng chẵn)

(Chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

Điều 2. Giao các trường học tổ chức sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.



Nguyễn Thị Thúy

Phụ lục số 03

TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO GIÁO VIÊN NĂM 2024*Kèm theo Quyết định số 790/QĐ-PGDĐT ngày 02/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã*

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bố
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG					939.608.000
II	Khối tiểu học					43.965.751
1	Trường Tiểu học Phong Hải	1025851	622	098	12	39.112.572
2	Trường Tiểu học Yên Hải	1026584	622	098	12	4.853.179
III	Khối Trung học cơ sở					678.821.324
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	098	12	45.808.864
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	098	12	60.567.286
3	Trường THCS Tiền An	1025843	622	098	12	51.771.651
4	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	098	12	43.793.651
5	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	098	12	20.900.511
6	Trường THCS Hà An	1027590	622	098	12	46.954.724
7	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	098	12	40.367.325
8	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	098	12	19.680.015
9	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	098	12	69.411.341
10	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	098	12	61.002.063
11	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	098	12	77.924.520
12	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	098	12	33.076.967
13	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	098	12	27.855.199
14	Trường THCS Tân An	1027591	622	098	12	79.707.207
IV	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					216.820.925
1	Trường TH&THCS Tiền Phong					
	Tiểu học	1027578	622	098	12	20.420.776
	Trung học cơ sở	1027578	622	098	12	12.463.459
2	Trường TH&THCS Cẩm La					
	Tiểu học	1130336	622	098	12	82.487.574
	Trung học cơ sở	1130336	622	098	12	12.566.203
3	Trường TH&THCS Sông Khoai					
	Tiểu học	1130337	622	098	12	28.663.850
	Trung học cơ sở	1130337	622	098	12	23.888.537
4	Trường TH&THCS Phong Cốc					
	Tiểu học	1133723	622	098	12	36.330.526
	Trung học cơ sở	1133723	622	098	12	

Số: 830/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 06 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên do bổ sung biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024; Quyết định số 7538/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc cấp bổ sung kinh phí chi thường xuyên năm 2024 cho các trường học do bổ sung biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc phân bổ kinh phí do bổ sung biên chế, hợp đồng năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí chi thường xuyên do bổ sung biên chế, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ, số tiền: 1.839.735.308 đồng (Một tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm linh tám đồng), cụ thể như sau:

1. Kinh phí chi thường xuyên, nguồn tự chủ cho các trường học quỹ tiền lương và các khoản đóng góp theo lương đối với 20 biên chế được giao bổ sung theo Quyết định 1105-QĐ/TU ngày 30/8/2024 của Ban Thường vụ Thị ủy: 653.913.000 đồng.

2. Kinh phí chi thường xuyên, nguồn không tự chủ cho các trường học để chi tiền công và các khoản đóng góp theo quy định đối với các hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ đã được tuyển dụng trong chỉ tiêu hợp đồng được giao theo Quyết định 1105-QĐ/TU ngày 30/8/2024 của Ban Thường vụ Thị ủy: 1.185.822.308 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01, 02 đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giao các trường học tổ chức sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thúy

Phụ lục số 02

**PHÂN BỐ KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN DO BỔ SUNG
HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số 830/QĐ-PGDĐT ngày 06/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG					1.185.822.308
I	Khối mầm non					230.110.000
1	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	12	84.302.500
2	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	12	34.212.500
3	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	12	74.717.500
4	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	12	20.377.500
5	Trường Mầm non Tiên Phong	1105748	622	071	12	16.500.000
II	Khối tiểu học					452.502.500
1	Trường Tiểu học Liên Vị	1026583	622	072	12	89.925.000
2	Trường Tiểu học Hà An	1026585	622	072	12	61.132.500
3	Trường Tiểu học Sông Khoai 1	1027579	622	072	12	27.170.000
4	Trường Tiểu học Liên Hòa	1026582	622	072	12	69.547.500
5	Trường Tiểu học Hiệp Hòa	1025852	622	072	12	62.755.000
6	Trường Tiểu học Nam Hòa	1026586	622	072	12	20.377.500
7	Trường Tiểu học Tân An	1025845	622	072	12	22.000.000
8	Trường Tiểu học Đông Mai	1026581	622	072	12	25.877.500
9	Trường Tiểu học Phong Hải	1025851	622	072	12	46.547.500
10	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuận	1026579	622	072	12	27.170.000
III	Khối Trung học cơ sở					243.472.308
1	Trường THCS Tiên An	1025843	622	073	12	46.489.808
2	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	12	20.377.500
3	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	12	176.605.000
IV	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					259.737.500
1	Trường TH&THCS Tiên Phong					
	Tiểu học	1027578	622	072	12	54.340.000
	Trung học cơ sở	1027578	622	073	12	20.377.500
2	Trường TH&THCS Cẩm La					
	Tiểu học	1130336	622	072	12	22.000.000
	Trung học cơ sở	1130336	622	073	12	27.170.000

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
3	Trường TH&THCS Sông Khoai					
	<i>Trung học cơ sở</i>	1130337	622	073	12	61.132.500
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân					
	<i>Trung học cơ sở</i>	1131212	622	073	12	47.547.500
5	Trường TH&THCS Phong Cốc					
	<i>Tiểu học</i>	1133723	622	072	12	27.170.000